

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Y
TỈNH HÒA BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2022/HS-ST
Ngày: 15/9/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH HÒA BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hảo

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Thủy và bà Lê Thị Đào

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bình, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Hòa Bình

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y tham gia phiên tòa: Bà Lê Minh Tuyết
- Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Hòa Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 25/2022/TLST-HS ngày 16 tháng 8 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32A/2022/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 9 năm 2022 đối với:

*** Các bị cáo:**

1. Họ và tên: Đỗ Văn L; Sinh ngày: 30/4/1979 tại phường A, quận B, H Nội; Tên gọi khác: không.

Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: Tổ 12 Yên Lộ, phường Yên N, quận H Đông, H Nội. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Trình độ văn hoá: 07/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do. Con ông Đỗ Văn Chiến và bà Nguyễn Thị Nung; có vợ Nguyễn Thị Thủy (đã ly hôn); 03 con. Con lớn nhất sinh năm 2001, nhỏ nhất sinh năm 2008.

Tiền án, tiền sự: Không

Nhân thân: Ngày 29/12/2014 bị Tòa án nhân dân quận B, thành phố H Nội xử phạt 07 tháng tù về tội Đánh bạc. (Đã được xóa án tích)

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/5/2022 đến nay tại NH tạm giữ Công an huyện Y- tỉnh Hòa Bình – Có mặt tại phiên Tòa

2. Họ và tên: Bùi Tấn N, Sinh ngày: 15/12/1998; tên gọi khác: không.

Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: xóm L, xã L, huyện Y, tỉnh Hòa Bình.
Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Mường; tôn giáo không; Nghề nghiệp: Lao động tự do;
trình độ văn hóa 10/12; con ông Bùi Văn Chiến (Đã chết), con bà Bùi Thị Thanh; chưa
có vợ con.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 04/5/2022 đến ngày 11/5/2022 tại NH tạm giữ
Công an huyện Y - tỉnh Hòa Bình. Sau đó bị can được áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi
cư trú từ ngày 12/5/2022 đến nay tại xóm L, xã L, huyện Y, tỉnh Hòa Bình.

***Người bị hại:**

Chị Bùi Thị M, sinh năm 1985

Địa chỉ: Bản A, xã B, huyện C, tỉnh Sơn La – Vắng mặt

*** Người có quyền lợi N vụ liên quan:**

1. Anh Phạm Tuấn H, sinh năm 1980 địa chỉ khu A, thị trấn B, huyện C, Hòa
Bình – Vắng mặt

2. Chị Bùi Thị K, sinh năm 1986; trú tại D, xã , huyện H, tỉnh Hòa Bình – Vắng
mặt

3. Anh Nông Thành Trung, sinh năm 1983; Trú tại: xóm Hiệp Hòa, xã Phủ Lý,
huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên – Vắng mặt

4. Anh Phạm Anh Đ, sinh năm 1982

Địa chỉ: khu phố Yên Phong, thị trấn Hng Trạm, huyện Yên Thủy, tỉnh Hòa
Bình – Vắng mặt

5. Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 2000

Địa chỉ: Khu phố Thắng Lợi, thị trấn Hng Trạm, huyện Yên Thủy, tỉnh Hòa
Bình – Vắng mặt

6. Anh Trương Ngọc T, sinh năm 1986

Địa chỉ: Khu phố Hàng Trạm, thị trấn Hng Trạm, huyện Yên Thủy, tỉnh Hòa
Bình – Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án
được tóm tắt như sau:

Năm 2017 chị Bùi Thị M, sinh năm 1985 trú tại bản A, B,C, Sơn La và Đỗ Văn
L, sinh năm 1979 trú tại tổ 12 A, phường B, quận C, Hà Nội có quen và yêu nhau. Đến
khoảng cuối tháng 4/2022 chị Bùi Thị M không còn tình cảm với L nên đã nói chia
tay và không muốn gặp gỡ L nữa. Tuy nhiên, L không đồng ý chia tay và nhiều lần
tìm gặp chị M để níu kéo tình cảm nhưng không được. Trong thời gian yêu chị M, thì
L có quen biết bạn cùng làm với chị M là chị Bùi Thị K, sinh năm 1986 trú tại Mới

Nang, xã Văn N, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình. Do đó, L đã nhờ chị K tìm và chỉ chỗ M ở và làm việc cho mình, đồng thời đã chuyển số tiền 4.000.000 đồng (*bốn triệu đồng*) cho K để cảm ơn trước. Do chị M biết sự việc K giúp L tìm mình thì đã nói chuyện trách cho L. Quá trình đi tìm chị M tại thị trấn Hàng Trạm thì L có gặp và quen biết Phạm Anh Đ, sinh năm 1982 trú tại khu phố Yên Phong, thị trấn Hàng Trạm, huyện Y, tỉnh Hòa Bình. Sau khi quen biết thì L có nhờ anh Đ tìm M hộ và hứa sẽ trả công (không nói cụ thể bao nhiêu). Sau đó Đ có giới thiệu Bùi Tấn N, sinh năm 1998 trú tại xóm L, L, Y, Hòa Bình cho L quen biết. Sau khi quen thì L nhờ N tìm và đưa chị M về cho L, xong việc thì L sẽ trả cho N số tiền 20.000.000 đồng (*hai mươi triệu đồng*). Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 30/4/2022 khi L đang ở nhà tại phường A, B, Hà Nội thì nhận được điện thoại của chị K báo tin chị M đang đi làm móng ở quán Nail Hà Xù tại khu phố Hàng Trạm, thị trấn Hàng Trạm, Y, Hòa Bình. Nhận được tin, L gọi điện thoại cho N và yêu cầu đi đến quán Nail Hà Xù xác minh có chiếc xe mô tô BKS: 29T2 - 021.05 của chị M ở đó hay không thì N đồng ý. N một mình điều khiển xe mô tô đến quán Nail Hà Xù, khi đến nơi N thấy có chiếc xe mô tô BKS: 29T2 - 021.05 dựng ở trước quán thì điện thoại báo tin cho L biết. Sau khi được N báo tin thì L bảo N ở gần quán để theo dõi chị M rồi một mình đi ra đoạn đường gần nH và thuê xe taxi BKS: 30A - 261.40 của hãng taxi Hoàn Kiếm do anh Nông Thành T, sinh năm 1983 trú tại xóm Hiệp Hòa, xã Phú Lý, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên và thuê T chở về huyện Y, tỉnh Hoà Bình, trên đường đi L có nói với T là về Y, Hoà Bình để đón vợ. Trong thời gian chờ L đến thì N có gọi điện cho Dương Quốc L, sinh năm 2000 trú tại xóm Lành Anh, xã Lạc Thịnh, huyện Yên Thủy, tỉnh Hòa Bình đến nói chuyện cùng. Sau đó L và Bùi Văn KH, sinh năm 2005 trú tại xóm Cửa Lũy, Đoàn Kết, Yên Thủy, Hòa Bình đến gặp N nói chuyện. Đến khoảng 16 giờ 15 phút ngày 30/4/2022 L đi đến trước cửa quán Nail Hà Xù thì quan sát thấy chiếc xe mô tô BKS: 29T2 - 021.05 thì biết chị M có mặt trong quán. Sau đó L yêu cầu anh T lái xe đi tiếp qua quán khoảng 50 mét để gặp N. Sau khi gặp nhau thì L và N không trao đổi gì thêm, rồi N lên xe ô tô ngồi ghế sau bên lái còn L đi bộ quay lại quán Nail Hà Xù. Lúc này KH điều khiển xe mô tô của N và L điều khiển xe mô tô của L đi về trước. Khi thấy L quay lại thì anh T cũng điều khiển xe đi theo và dừng đỗ ở phía bên đường đối diện trước cửa quán. L đến quán đi vào bên trong thấy chị M đang ngồi làm móng ở trên ghế thì đến gần yêu cầu đi cùng mình. Tuy nhiên chị M từ chối thì bị L giật chiếc điện thoại di động trên tay để xem tin nhắn (do ghen tuông). Sau khi xem xong L cất điện thoại vào túi quần và đi ra cửa chỉ tay yêu cầu xe ô tô quay lại và đỗ bên đường tỉnh lộ 442 sát cửa quán, đầu xe hướng ngã ba Hàng Trạm. Sau đó L quay lại và dùng tay phải đấm một phát vào mặt chị M rồi cầm tay kéo chị M ngã xuống nền nhà. Khi chị M nằm dưới nền nhà thì L dùng tay phải đấm một cái vào

mặt chị M. Không thấy chị M phản kháng nữa thì L dùng hai tay bế ngửa chị M đưa ra xe taxi. Khi bị L bế đưa đi thì chị M có kêu la và vùng vẫy, tuy nhiên không thoát được khỏi L. Khi L bế M ra đến xe taxi thì N ở bên trong xe thấy vậy dùng tay mở lấy cửa xe phía sau bên phải. L mở cửa xe và bế chị M đặt vào ghế. Lúc này chị M kêu cứu và vùng vẫy muốn thoát ra ngoài thì bị L dùng tay phải nắm một nhát vào mặt. Chị M tiếp tục vùng vẫy, kêu cứu thì bị L cầm hai chân giữ và đẩy vào xe, còn N dùng tay trái bịt miệng, tay phải vòng qua cổ và kéo vào trong xe. Sau khi đưa chị M được vào trong xe thì L cũng ngồi vào xe và để hai chân chị M lên đùi của mình rồi dùng tay giữ. Lúc này L nói với anh T “đây là việc gia đình em, anh lái xe đi giúp em, không vấn đề gì đâu”. Nghe vậy anh T điều khiển xe taxi chở L, M và N đi hướng về ngã ba Hàng Trạm sau đó đi hướng về phía thành phố Hòa Bình theo yêu cầu của L. Xe đi được một đoạn thì chị M thấy không thoát được thì ngồi im, không giãi bày kêu la nữa. Sau đó N yêu cầu xe ô tô đưa về nhà tại xóm L, xã L, huyện Y, Hòa Bình. Sau khi N xuống xe về nhà thì L tiếp tục yêu cầu lái xe chở mình và chị M đi về hướng thành phố Hòa Bình. Khi đi đến ngã ba Mãn Đức, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình thì L đưa chị M vào khách sạn Hùng Mạnh để thuê phòng nghỉ. L đưa chị M vào khách sạn rồi thuê phòng 303, lúc này anh T cũng đi theo lên phòng để lấy tiền xe. Tại phòng khách sạn, do không có tiền nên L đã hỏi chị M mượn chiếc lắc vàng đang đeo ở tay để cầm ký lấy tiền chi tiêu thì M đồng ý và nói “mày muốn lấy cái gì thì mày lấy”. Sau đó L tự tháo chiếc lắc trên tay M và cùng anh T đi ra cửa Hàng vàng của anh Phạm Tuấn H, sinh năm 1980 địa chỉ khu Tâm Đức, thị trấn Mãn Đức, Tân Lạc, Hòa Bình gần khách sạn bán với giá 2.500.000 đồng (*hai triệu năm trăm nghìn đồng*). Có tiền thì L trả tiền cước xe cho anh T hết số tiền 1.000.000 đồng (*một triệu đồng*). Sau đó anh T lái xe về H Nội còn L đi lên phòng với chị M. Khoảng một giờ đồng hồ sau, do L và chị M không có giấy tờ tùy thân nên khách sạn yêu cầu trả phòng. Sau khi trả phòng, L bắt xe buýt đưa chị M lên thành phố Hòa Bình rồi lại bắt taxi đưa chị M ra khu vực Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình và nghỉ tại phòng 204 nhà nghỉ Hoa Hồng, gần trạm thu phí cao tốc Hà Nội - Hòa Bình. Quá trình đi L đã trả lại cho chị M chiếc điện thoại di động mà L giữ của chị M trước đó. Tại đây L đe dọa chị M không được bỏ trốn. Do lo sợ nên chị M không dám bỏ đi và phải ở lại với L. Đến sáng ngày 01/5/2022 nhân lúc L ngủ, chị M đã bỏ trốn khỏi nhà nghỉ và đi ra đường bắt xe ô tô khách đi về thành phố Hòa Bình rồi gọi nhờ điện thoại cho người thân đến thành phố Hòa Bình đón về nhà. Sau khi về đến nhà chị M đi đến Công an huyện Y trình báo sự việc. Đến sáng cùng ngày L ngủ dậy không thấy chị M thì biết chị M đã bỏ trốn nên bắt xe đi về nhà tại Hà Nội. Đến chiều ngày 03/5/2022, khi L đang tìm chị M tại khu vực gần Trung tâm y tế huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình thì bị

lực lượng Công an huyện Y, tỉnh Hòa Bình phát hiện và bắt giữ. (BL: 01; 28-31; 46-47; 97-131; 179- 203)

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại chị Bùi Thị M không có yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự nên không xem xét giải quyết. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Phạm Tuấn H yêu cầu bị can Đỗ Văn L phải bồi thường số tiền anh H mua lại chiếc lắc vàng tây ngày 30/4/2022 là 2.500.000 đồng (*hai triệu năm trăm nghìn đồng*). Hiện bị can L chưa bồi thường. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Tuấn A đã nhận lại chiếc xe ô tô BKS: 30A-261.40 và không có yêu cầu đề nghị gì đối với anh Nông Thành T nên không xem xét giải quyết.

Vật chứng của vụ án: Trong quá trình điều tra vụ án, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Yên Thủy đã tạm giữ và trả lại:

+ 01 (một) xe ô tô màu sơn bạc, nhãn hiệu HUYNDAI, số loại I10, BKS: 30A-261.40, xe cũ đã qua sử dụng tên chủ xe CTCP THƯƠNG MẠI VẬN TẢI HOÀN KIẾM; 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô BKS: 30A-261.40, tên chủ xe CTCP THƯƠNG MẠI VẬN TẢI HOÀN KIẾM, nhãn hiệu HUYNDAI, số loại I10, số máy G3LAEM142305, số khung MALA 851AAEM122148 màu sơn bạc BKS: 30A-261.40; 01 (một) giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc TNDS của chủ xe ô tô BKS: 30A-261.40; 01 (một) giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ của xe ô tô BKS: 30A-261.40. Xét thấy không ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trao trả cho anh Nguyễn Tuấn A (SN: 1984) trú tại: xóm 2 Vĩnh Ngọc, xã Đông Lĩnh, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa là đại diện chủ sở hữu hợp pháp của Công ty cổ phần thương mại vận tải Hoàn Kiếm địa chỉ phường Vạn Phúc, H Đông, H Nội là phù hợp với quy định của pháp luật.

+ 01(một) xe mô tô BKS: 29T2-021.05, nhãn hiệu HONDA, số loại VISION, màu sơn xanh đen, xe cũ đã qua sử dụng; 01 (một) chứng nhận đăng ký xe mô tô xe gắn máy số 29002723 tên chủ sở hữu Phan Duy T, nhãn hiệu HONDA, số loại VISION số máy JK03E5227946, số khung RLHJK031XMZ021698 màu sơn xanh đen do Công an quận Hà Đông, Hà Nội cấp ngày 29/3/2021; 01(một) chiếc lắc tay bằng kim loại màu vàng, có mặt hình tròn kiểu dáng đồng hồ bao gồm 10 đốt hình chữ nhật. Xét thấy không ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trao trả cho chủ sở hữu hợp pháp là chị Bùi Thị M là phù hợp với quy định của pháp luật.

Tại bản cáo trạng số 25/CT-VKS-YT ngày 16/8/2022 Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Hoà Bình đã truy tố Đỗ Văn L và Bùi Tấn N về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” theo quy định tại khoản 1 điều 157 Bộ luật hình sự.

Thực hành quyền công tố tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, sau khi xem xét đánh giá toàn diện nội dung vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, trong bản luận tội, tranh luận và đối đáp với người bào chữa giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử :

- Về trách nhiệm hình sự:

+ Tuyên bố các bị cáo Đỗ Văn L và Bùi Tấn N phạm tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” theo khoản 1, điều 157 Bộ luật hình sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 157; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự. Tuyên phạt bị cáo Đỗ Văn L từ 12 đến 15 tháng tù.

2/ Áp dụng khoản 1 Điều 157; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự. Tuyên phạt bị cáo Bùi Tấn N từ 09 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách.

- Về trách nhiệm dân sự: Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Phạm Tuấn H yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền 2.500.000đ nên buộc bị cáo phải trả lại khoản tiền trên.

- Án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự và Dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận, nói lời sau cùng xin Hội đồng xét xử cho các bị cáo hưởng mức án nhẹ nhất để các bị cáo có cơ hội sửa chữa sai lầm trở thành người tốt, có ích cho gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Y, tỉnh Hoà Bình, của Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Hoà Bình và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến và khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản thu giữ vật chứng trong hồ sơ vụ án. Như vậy đủ cơ sở kết luận: Đến khoảng 16

giờ 15 phút ngày 30/4/2022 L biết chị M có mặt trong quán Nail Hà Xù thì cùng với Bùi Tấn N bắt, không chế chị M lên xe taxi. Đến sáng 01/5/2022 lợi dụng lúc L ngủ chị M đã bỏ trốn và trình báo với cơ quan chức năng, ngày 03/5/2002 khi L đang tìm bắt chị M tại khu vực Trung tâm y tế huyện Lạc sơn thì bị bắt giữ.

Trong vụ án này các bị cáo đều có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi khống chế và bắt giữ chị Bùi Thị M trái với ý muốn của chị M là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện, nên đủ yếu tố cấu thành tội "Bắt người trái pháp luật" theo quy định tại khoản 1 Điều 157 Bộ luật hình sự.

[3] Về tính chất, vai trò, mức độ của hành vi phạm tội:

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự xã hội tại địa phương, xâm hại đến quyền tự do, sức khỏe của người khác. Vì vậy, cần áp dụng mức hình phạt nghiêm, tương xứng với hành vi của các bị cáo nhằm giáo dục và răn đe, phòng ngừa chung.

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, mang tính bột phát, khi thực hiện hành vi các bị cáo không câu kết chặt chẽ giữa những người thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Vì vậy phân hóa vai trò của từng bị cáo thấy rằng:

Bị cáo Đỗ Văn L giữ vai trò chính, là người khởi xướng, xúi giục bị cáo N đồng thời trực tiếp khống chế bắt giữ chị M với lỗi cố ý trực tiếp, với tích chất mức độ phạm tội của bị cáo xét thấy cần thiết phải áp dụng một hình phạt nghiêm khắc cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian đủ để giáo dục bị cáo. Tuy nhiên khi cân nhắc hình phạt Hội đồng xét xử cũng xét bị cáo có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, có ông nội là người có công với cách mạng được quy định tại điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo thể hiện sự khoan hồng cho bị cáo có cơ hội ăn năn hối cải.

Bị cáo Bùi Tấn N là đồng phạm, cũng là người giúp sức tích cực, cho bị cáo L thực hiện tội phạm, có thỏa thuận nhận tiền công do L trả nên đã cùng L thực hiện tội phạm. Tuy nhiên bị cáo phạm tội do bột phát, chưa nhận tiền công của L trong vụ án này bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm Hình sự. Có nhiều tình tiết giảm nhẹ, đã thành khẩn khai báo, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, là người dân tộc Mường sinh sống tại vùng kinh tế khó khăn, bị cáo có thời gian tham gia trong quân ngũ Quân đội nhân dân VN được tặng giấy khen. Được quy định tại các điểm s, i khoản 1, khoản 2 điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, ngoài lần phạm tội này luôn chấp hành tốt các chính sách của địa phương nơi cư trú nên xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà áp dụng

một hình phạt tù có điều kiện cũng đủ tác dụng răn đe, cải tạo bị cáo theo quy định tại điều 65 Bộ luật Hình sự.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Phạm Tuấn H yêu cầu bị cáo L phải trả lại số tiền 2.500.000đ đã đưa cho bị cáo để mua vòng của chị M. Xét yêu cầu của anh H là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Buộc bị cáo L phải trả lại khoản tiền trên cho anh H.

[6] Về án phí: Các bị cáo bị kết án phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Bị cáo L phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm.

[8] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Đỗ Văn L và Bùi Tấn N phạm tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”

Căn cứ khoản 1, Điều 157; điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Đỗ Văn L 12 (*Mười hai*) tháng tù thời hạn tù tính từ ngày 03/5/2022 ngày tạm giữ, tạm giam.

Căn cứ khoản 1, Điều 157; điểm i, s khoản 1, khoản 2, Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Bùi Tấn N 09 (*chín*) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (*Mười tám*) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Bùi Tấn N cho Ủy ban nhân dân xã L, huyện Y, tỉnh Hòa Bình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo N thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi Hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi Hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự.

2. Về trách nhiệm Dân sự: Căn cứ Điều 46, điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 589 Bộ luật Dân sự

Buộc bị cáo Đỗ Văn L phải trả cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Phạm Tuấn H số tiền 2.500.000đ (*Hai triệu năm trăm nghìn đồng*).

Kể từ ngày anh H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo không thanh toán số tiền trên thì hàng tháng bị cáo còn phải chịu thêm một khoản tiền lãi đối với số tiền chậm

trả tương ứng với thời gian chưa thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,9 Luật thi hành án dân sự. Thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

3. Án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Đỗ Văn L phải nộp 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí Dân sự sơ thẩm.

Bị cáo Bùi Tấn N phải nộp 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án các bị cáo có quyền kháng cáo, người bị hại và người liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án./.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Hòa Bình;
- Sở tư pháp tỉnh Hòa Bình;
- VKSND huyện Y;
- THAHS - DS huyện Y;
- Bị cáo;
- Người bị hại,
- Người có quyền lợi vụ liên quan;
- UBND xã L
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Thị Hảo

